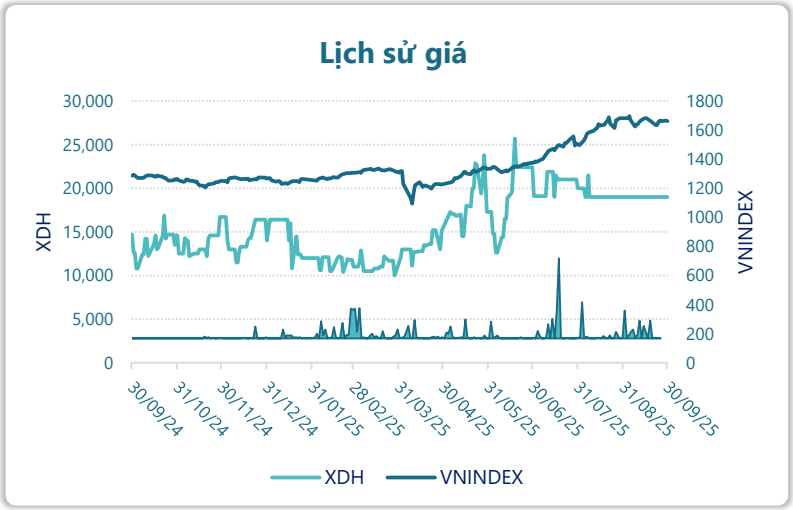
FireAnt

CTCP Đầu tư Xây dựng Dân dụng Hà Nội (UPCOM: XDH)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**19,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,000
SL cổ phiếu LH	27,026,907
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	514
P/E	32.8
EPS	580

DT thuần

Q3/25

37.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 19.7| 113%

YoY: ▲ 17.0| 84.2%

LN sau thuế

Q3/25

1.03

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.75| -42.2%

YoY: ▼2.67| -72.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

5.2%

+/- YoY: ▼ 17.7%

DT thuần

9T 2025

72.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼29.7| -28.9%

LN sau thuế

9T 2025

5.37

tỷ VNĐ

YoY: ▼5.13| -48.8%

ROE

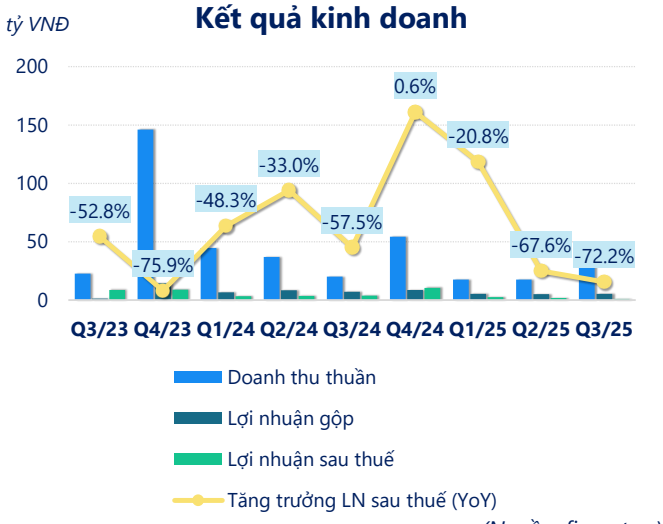
Q3/25

2.9%

+/- YoY: ▼ 0.6%

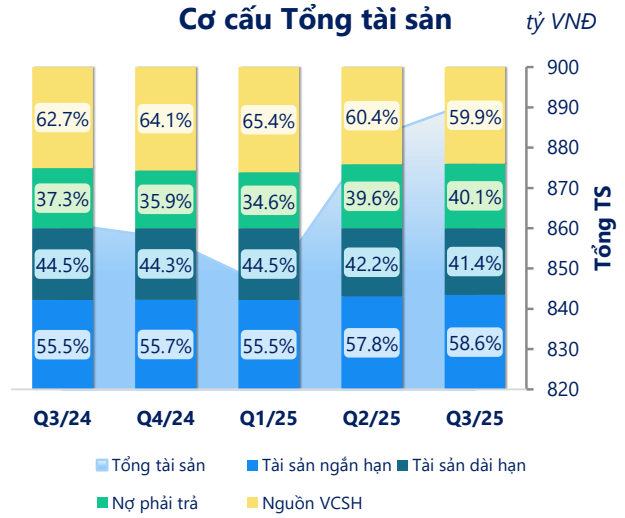
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



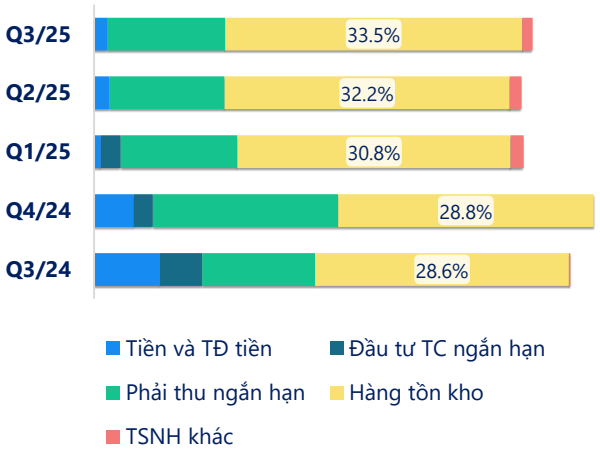
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



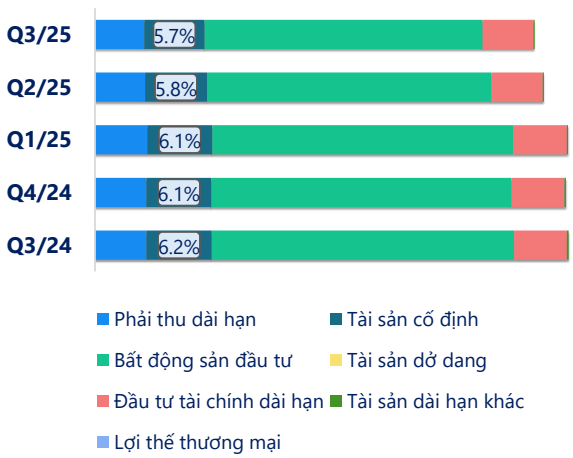
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



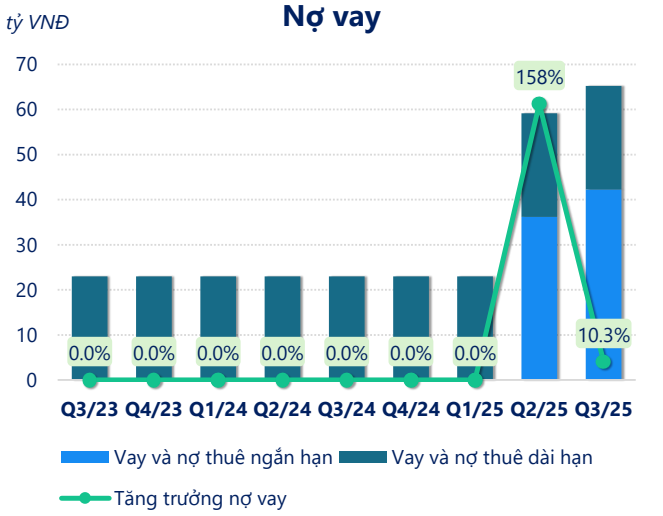
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



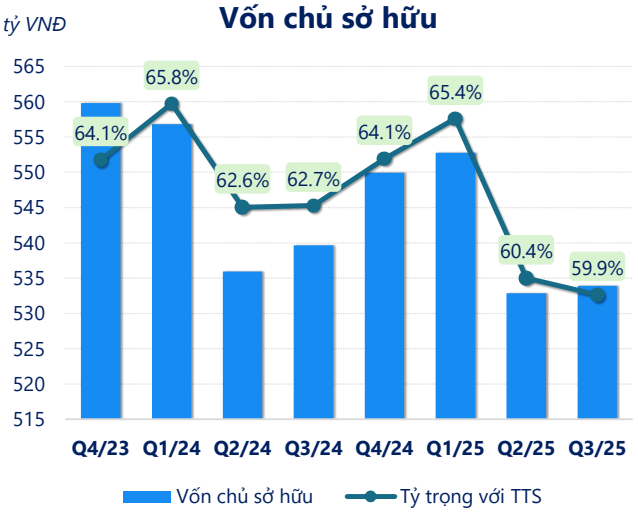
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



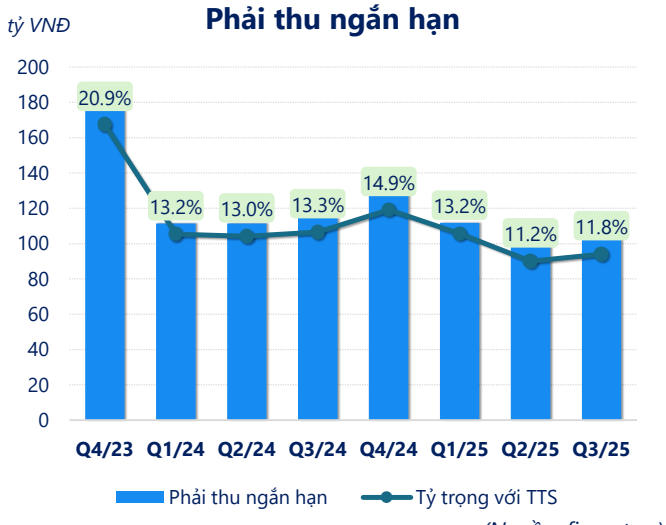
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



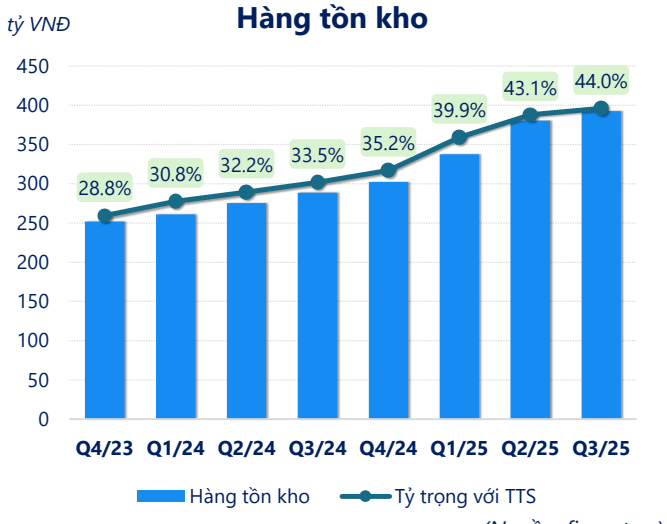
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



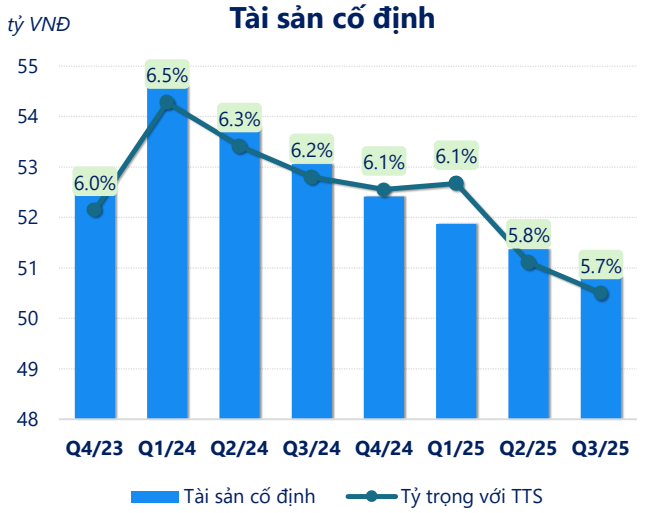
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



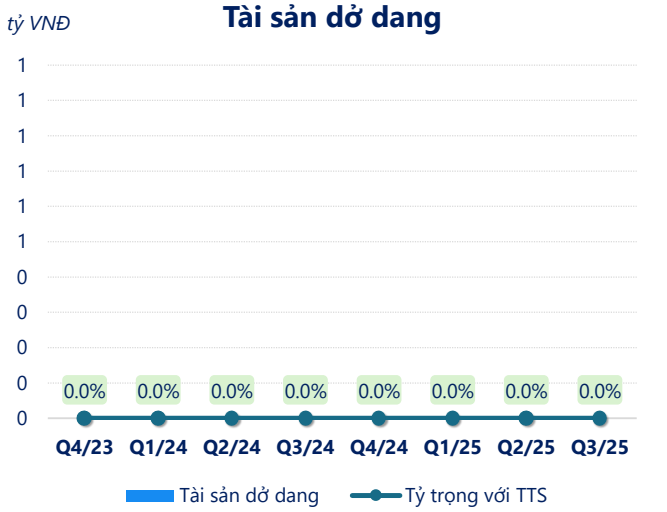
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



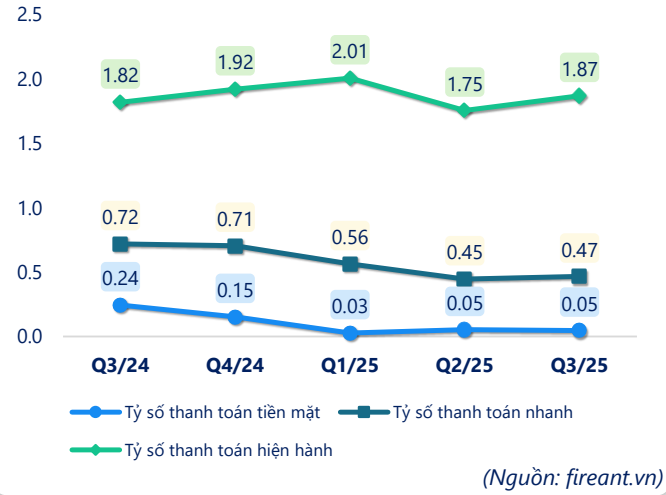
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



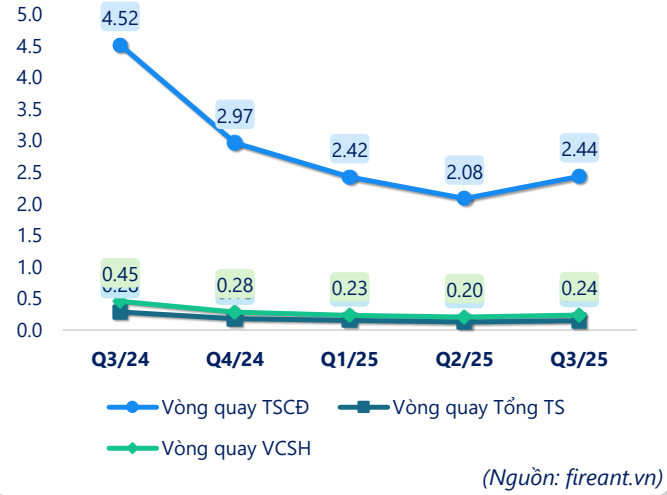
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**861**	**858**	**846**	**882**	**892**
Tài sản ngắn hạn	**478**	**478**	**469**	**510**	**523**
Tiền và tương đương tiền	64.1	38.2	6.35	15.2	13.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	115	128	112	99.2	105
Hàng tồn kho	289	302	338	380	392
Tài sản ngắn hạn khác	10.1	9.75	13.7	15.1	12.5
Tài sản dài hạn	**384**	**380**	**376**	**373**	**369**
Phải thu dài hạn	41.5	41.5	41.5	41.5	41.2
Tài sản cố định	53.1	52.4	51.9	51.4	50.8
Bất động sản đầu tư	245	242	239	236	233
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	42.7	42.7	42.7	42.7	42.7
Tài sản dài hạn khác	1.38	1.17	1.17	0.97	0.97
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**322**	**308**	**293**	**349**	**358**
Nợ ngắn hạn	**263**	**249**	**234**	**290**	**280**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	36.2	42.3
Phải trả người bán ngắn hạn	49.2	56.7	52.5	43.9	39.6
Nợ dài hạn	58.7	58.8	58.8	58.9	77.9
Vay và nợ thuê dài hạn	23.0	23.0	23.0	23.0	23.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**540**	**550**	**553**	**533**	**534**
Vốn chủ sở hữu	**540**	**550**	**553**	**533**	**534**
Vốn điều lệ	270	270	270	270	270
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)